

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN  
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**

*(Tính đến ngày 05/09/2021)*

**Khoa: Công nghệ thông tin**

*Số ngày CTXH phải hoàn thành: 15*

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
1	DH51800688	Lê Trần Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
2	DH51800367	Phan Châu Đức	74.5	16	-	-	-	58.5	-	-	0	D18_TH01
3	DH51800827	Dương Trường Giang	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D18_TH01
4	DH51800439	Nguyễn Văn Hậu	14	10	-	-	-	4	-	-	1	D18_TH01
5	DH51703397	Nguyễn Trung Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
6	DH51800369	Trần Kim Hoàng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH01
7	DH51800023	Trương Thái Thiện Hoàng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH01
8	DH51800464	Bùi Quốc Huy	28	-	-	-	-	28	-	-	0	D18_TH01
9	DH51701216	Ngô Hoàng Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
10	DH51800692	Nguyễn Dương Anh Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
11	DH51800191	Nguyễn Nhật Huy	11	-	-	-	-	11	-	-	4	D18_TH01
12	DH51800049	Đỗ Văn Gia Huyền	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D18_TH01
13	DH51700421	Hà Thị Kim Hương	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_TH01
14	DH51800663	Nguyễn Hoàn Kha	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
15	DH51703563	Nguyễn Thanh Lâm Khiết	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH01
16	DH51800321	Nguyễn Anh Khoa	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TH01
17	DH51802091	Bùi Phạm Phú Lâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
18	DH51800556	Đỗ Huy Long	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D18_TH01
19	DH51800769	Nguyễn Thanh Long	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH01
20	DH51800622	Nguyễn Huỳnh Lạt Minh	19	-	-	-	-	19	-	-	0	D18_TH01
21	DH51800070	Nguyễn Nhựt Nam	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH01
22	DH51800925	Nguyễn Hiếu Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
23	DH51802473	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH01
24	DH51800687	Nguyễn Thiên Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
25	DH51800699	Phạm Hữu Phước	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TH01
26	DH51700384	Nguyễn Minh Quang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH01
27	DH51800211	Võ Hoàng Thắng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH01
28	DH51802009	Phạm Anh Thi	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH01
29	DH51800586	Lê Nguyễn ánh Tiên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
30	DH51801021	Thiều Văn Vũ Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
31	DH51800877	Nguyễn Quốc Vương	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_TH01
32	DH51800612	Nguyễn Thảo Vy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH01
33	DH51800203	Dương Hoàng Xuân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH01
1	DH51801978	Cao Nhật Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH02
2	DH51802443	Phạm Tấn Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH02
3	DH51800991	Nguyễn Long Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH02
4	DH51801606	Bùi Quốc Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
5	DH51802262	Nguyễn Tấn Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
6	DH51801417	Nguyễn Thanh Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
7	DH51800013	Mai Chí Khôi	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TH02
8	DH51800895	Phạm Đức Long	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH02
9	DH51802640	Lê Đình Mẫn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
10	DH51801342	Phan Lê Hữu Nhân	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D18_TH02
11	DH51800998	Hồ Đăng Quang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH02
12	DH51800835	Đông Đình Quân	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TH02
13	DH51801707	Nguyễn Quang Thông	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_TH02
14	DH51802374	Huỳnh Tấn Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
15	DH51800094	Lê Nhật Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
16	DH51802544	Lê Hoàng Trọng Tín	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH02
17	DH51800079	Nguyễn Thị Ngọc Trang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
18	DH51802391	Ngô Xuân Trúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
19	DH51800041	Trần Văn Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH02
20	DH51802799	Võ Thanh Tùng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH02
21	DH51800705	Chiu Thùy Tỳ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
22	DH51801674	Trần Quốc Vương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH02
23	DH51800004	Trần Phú Yên	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TH02
1	DH51802504	Dương Nhật Anh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH03
2	DH51801144	Lê Duy Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
3	DH51800963	Nguyễn Võ Đức Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH03
4	DH51802099	Trần Nhật Bản	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_TH03
5	DH51800512	Nguyễn Hoàng Chương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH03
6	DH51800394	Nguyễn Ngọc Duy	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TH03
7	DH51802382	Bùi Tấn Đạt	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH03
8	DH51802381	Phạm Thanh Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
9	DH51801726	Lê Văn Hiếu	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TH03

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
10	DH51800859	Hàng Ngọc	Hung	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_TH03
11	DH51800671	Đặng Phúc	Hữu	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH03
12	DH51801635	Nguyễn Gia	Khánh	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TH03
13	DH51801192	Nguyễn Phạm Công	Minh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH03
14	DH51800621	Trần Quốc	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
15	DH51800658	Lê Ngọc	Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
16	DH51800965	Nguyễn Xuân Thanh	Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
17	DH51802012	Lê Thái	Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
18	DH51800964	Nguyễn Đoàn Gia	Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
19	DH51800220	Nguyễn Tấn	Tin	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
20	DH51801268	Nguyễn Hoàng	Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH03
1	DH51801111	Trần Thanh	Ân	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH04
2	DH51802808	Hồ Hoàng	Dung	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH04
3	DH51801456	Lê Anh	Hào	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH04
4	DH51800124	Nguyễn Trần Tuấn	Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH04
5	DH51800744	Tô Quốc	Huy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH04
6	DH51800131	Ngô Đình	Khang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH04
7	DH51800165	Nguyễn Trần Tuấn	Khôi	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH04
8	DH51800992	Hoàng Trung	Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH04
9	DH51805130	Phạm Hoàng	Nam	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH04
10	DH51800242	Nguyễn Trọng	Nhân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH04
11	DH51802624	Huỳnh Thanh	Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH04
12	DH51801425	Tạ Bình	Quân	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH04
13	DH51801260	Nguyễn Anh	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH04
14	DH51800850	Nguyễn Thanh	Toàn	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_TH04
15	DH51801108	Nguyễn Xuân	Toàn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH04
16	DH51802538	Võ Công	Trường	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH04
17	DH51803715	Nguyễn Thái	Vỹ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH04
1	DH51801604	Phạm Tuấn	Cánh	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_TH05
2	DH51802218	Nguyễn Ngọc	Đặng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
3	DH51802064	Trần Đình	Đô	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
4	DH51802776	Nguyễn Đức	Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH05
5	DH51801672	Lê Trần	Lợi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
6	DH51802024	Ngô Hồng	Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
7	DH51802752	Phạm Anh	Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
8	DH51802067	Nguyễn Trọng	Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
9	DH51801961	Phan Văn	Thành	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH05
10	DH51801698	Nguyễn Ngọc	Thìn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
11	DH51802007	Trần Bảo	Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
12	DH51801691	Nguyễn Công	Tính	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH05
13	DH51802158	Nguyễn Vương Vân	Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH05
1	DH51801636	Huỳnh Trương Tấn	An	21	-	-	-	-	21	-	-	0	D18_TH06
2	DH51801196	Nguyễn Trần Chính	Huy	25	-	-	-	-	25	-	-	0	D18_TH06
3	DH51800547	Trần Quang	Khải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH06
4	DH51801124	Nguyễn Phạm Công	Khang	19.5	-	-	-	-	19.5	-	-	0	D18_TH06
5	DH51800726	Lê Quốc	Khánh	22.5	-	-	-	-	22.5	-	-	0	D18_TH06
6	DH51802110	Nguyễn Duy	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH06
7	DH51801623	Nguyễn Hoàng Minh	Thy	18.5	-	-	-	-	18.5	-	-	0	D18_TH06
8	DH51800950	Nguyễn Hoàng	Trung	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_TH06
1	DH51803124	Ngô Gia	Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH07
2	DH51802337	Lê Trần Trung	Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH07
3	DH51800144	Hoàng Trung	Hiếu	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TH07
4	DH51802290	Nguyễn Kim	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH07
5	DH51803312	Trần Minh	Hiếu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH07
6	DH51803164	Nguyễn Quang	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH07
7	DH51800224	Trần Đường	Huy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH07
8	DH51802975	Thái Trương Đăng	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH07
9	DH51802511	Trần Xuân	Nhon	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_TH07
10	DH51802893	Huỳnh Tấn	Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH07
11	DH51802294	Phạm Phú	Tài	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D18_TH07
12	DH51800085	Nguyễn Tăng	Thảo	31	30	-	-	-	1	-	-	0	D18_TH07
13	DH51801881	Nguyễn Lê Trường	Thiện	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH07
14	DH51802933	Trần Ngọc	Trung	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TH07
15	DH51800223	Nguyễn Thiên	Vinh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH07
1	DH51802697	Phan Nguyễn Hoài	An	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH08
2	DH51803029	Hồng Quốc	Bình	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TH08
3	DH51803166	Võ Chí	Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH08
4	DH51803236	Võ Minh	Khang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH08
5	DH51801934	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH08
6	DH51803355	Phan Anh	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH08
7	DH51803576	Nguyễn Đức	Nhân	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_TH08
8	DH51800156	Nguyễn Lưu Đức	Tài	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH08

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
9	DH51802954	Nguyễn Việt	Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH08
10	DH51803221	Nguyễn Quốc	Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH08
11	DH51803052	Chung Xuân	Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH08
12	DH51803057	Trần Anh	Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH08
1	DH51803327	Vũ Công Tuấn	Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH09
2	DH51802913	Trương Nguyễn Minh	Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
3	DH51803255	Hồ Hữu	Chí	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D18_TH09
4	DH51803079	Nguyễn Huỳnh Khánh	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
5	DH51806426	Hoàng Ngọc	Hà	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
6	DH51802987	Lâm Hồng	Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
7	DH51800686	Nguyễn Anh	Hoàng	12	12	-	-	-	-	-	-	3	D18_TH09
8	DH51803625	Trần Chí	Lâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH09
9	DH51803178	Trần Quang	Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
10	DH51803598	Lê Văn Hùng	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
11	DH51803156	Nguyễn Công Hải	Nam	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH09
12	DH51803612	Vũ Tuấn	Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
13	DH51803070	Nguyễn Đỗ Minh	Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
14	DH51803559	Lê Nguyễn Tất	Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
15	DH51803550	Lê Phước	Thịnh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH09
16	DH51803058	Phan Thành	Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH09
17	DH51803440	Lê Duy	Tuyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH09
18	DH51803477	Đỗ Như	Việt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH09
1	DH51804303	Phạm Quốc	Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10
2	DH51804376	Lê Trí	Cường	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH10
3	DH51802700	Ngô Thanh	Danh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH10
4	DH51804398	Vòng Say	Dậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10
5	DH51804123	Võ Khánh	Duy	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH10
6	DH51803935	Huỳnh Quốc	Dương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH10
7	DH51804460	Nguyễn Lam	Đan	1	-	1	-	-	-	-	-	14	D18_TH10
8	DH51804576	Lưu Vịnh	Hân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH10
9	DH51804614	Lê Văn	Hiệp	3	-	1	-	-	2	-	-	12	D18_TH10
10	DH51803665	Đặng Văn	Hiếu	1	-	1	-	-	-	-	-	14	D18_TH10
11	DH51804825	Hà Trí	Khang	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH10
12	DH51803494	Nguyễn Ngọc	Khoa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH10
13	DH51804901	Hoàng Trung	Kiên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH10
14	DH51804948	Nguyễn Tấn	Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
15	DH51805223	Trần Thiện Thành	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10
16	DH51805286	Phạm Thị Huỳnh	Như	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH10
17	DH51805358	Đào Thiên	Phúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH10
18	DH51805426	Trần Minh	Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10
19	DH51805444	Đình Kiến	Quốc	1.5	-	1	-	-	0.5	-	-	13.5	D18_TH10
20	DH51805491	Nguyễn Thanh	Sương	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TH10
21	DH51805679	Phạm Thanh	Thuận	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH10
22	DH51805688	Trần Thị Ngọc	Thùy	41.5	30	1	-	-	10.5	-	-	0	D18_TH10
23	DH51804141	Nguyễn Trọng	Trí	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH10
24	DH51805899	Bùi Lê Hoàng Nhật	Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH10
25	DH51803126	Nguyễn Phương Hoài	Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10
26	DH51806037	Ngô Gia	Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10
27	DH51803800	Nguyễn Anh	Võ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH10
28	DH51806068	Trần Tuấn	Vũ	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH10
29	DH51806073	Phạm Đình	Vương	4	-	-	-	1	3	-	-	11	D18_TH10
1	DH51804249	Tổng Khánh Nhật	An	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_TH11
2	DH51804310	Võ Ngọc	Bội	18	-	-	-	-	18	-	-	0	D18_TH11
3	DH51804418	Lạc Hồng	Duy	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_TH11
4	DH51804528	Nguyễn Thành	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH11
5	DH51804107	Cao Chiến	Hào	30.5	-	-	-	-	15.5	15	-	0	D18_TH11
6	DH51802325	Lê Thị Thúy	Hoài	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D18_TH11
7	DH51804772	Trần Nguyễn Quốc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH11
8	DH51804835	Nguyễn Tuấn	Khang	20.5	-	-	-	-	20.5	-	-	0	D18_TH11
9	DH51804851	Nguyễn Quốc	Khánh	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_TH11
10	DH51805028	Nguyễn Nhị	Long	10	-	-	-	-	10	-	-	5	D18_TH11
11	DH51804942	Đặng Phước	Lộc	23	-	-	-	-	23	-	-	0	D18_TH11
12	DH51805206	Huỳnh Công	Nhã	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D18_TH11
13	DH51805388	Bùi Hoàng	Phương	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TH11
14	DH51805497	Mai Trương	Tài	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TH11
15	DH51805517	Ao Nhật	Tân	17.5	-	-	-	-	17.5	-	-	0	D18_TH11
16	DH51805624	Nguyễn Tấn	Thịnh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TH11
17	DH51805702	Lý Hoàng	Thư	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_TH11
18	DH51805930	Lê Minh	Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH11
19	DH51806039	Nguyễn Hữu Lê	Vinh	25.5	-	-	-	-	25.5	-	-	0	D18_TH11
1	DH51804283	Phạm Nhật	Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH12
2	DH51804331	Nguyễn Duy	Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH12

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
3	DH51804430	Trần Khánh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH12
4	DH51804453	Phạm Đăng Hải Dương	4.5	-	-	-	1	3.5	-	-	10.5	D18_TH12
5	DH51804500	Trần Tuấn Đại	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH12
6	DH51804536	Tôn Quốc Đạt	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_TH12
7	DH51804616	Trần Hoàng Hiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH12
8	DH51804755	Lê Thanh Huy	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_TH12
9	DH51804821	Cao Vũ Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH12
10	DH51804894	Phan Thị Tú Khuyên	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D18_TH12
11	DH51805129	Phạm Dương Hoài Nam	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D18_TH12
12	DH51805204	Trần Thị Nguyệt	2.5	-	-	-	1	1.5	-	-	12.5	D18_TH12
13	DH51805207	Trần Đại Nhã	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5	D18_TH12
14	DH51805350	Nguyễn Phong Phú	35	30	-	-	-	5	-	-	0	D18_TH12
15	DH51805372	Trần Bảo Phúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH12
16	DH51805435	Nguyễn Thanh Quân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH12
17	DH51805479	Tạ Đăng Sáng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH12
18	DH51805528	Đặng Hồng Bảo Thái	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TH12
19	DH51805750	Nguyễn Hoàng Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH12
20	DH51805753	Nhâm Trung Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH12
21	DH51805788	Trương Ngọc Toàn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH12
22	DH51805934	Nguyễn Minh Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH12
23	DH51800518	Nguyễn Võ Duy Tú Vinh	1	-	-	-	1	-	-	-	14	D18_TH12
24	DH51806091	Nguyễn Hải Vy	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D18_TH12
1	DH51802129	Dương Minh Danh	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D18_TH13
2	DH51804542	Trần Hí Đường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH13
3	DH51801362	Phạm Phúc Hậu	11	10.5	-	-	-	0.5	-	-	4	D18_TH13
4	DH51800027	Lê Đình Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH13
5	DH51802058	Võ Đức An Khang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH13
6	DH51800766	Phạm Tiến Long	35.5	11	-	-	-	24.5	-	-	0	D18_TH13
7	DH51801584	Võ Phương Nam	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TH13
8	DH51805316	Nguyễn Tấn Phát	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D18_TH13
9	DH51802512	Lê Anh Phi	23.5	15	-	-	3	5.5	-	-	0	D18_TH13
10	DH51800736	Đặng Kiến Phong	6.5	-	-	-	1	5.5	-	-	8.5	D18_TH13
11	DH51801039	Võ Văn Thiện	8	-	6	-	-	2	-	-	7	D18_TH13
12	DH51801182	Trần Quốc Trọng	64.5	52.5	2	-	-	10	-	-	0	D18_TH13
13	DH51800143	Nguyễn Thị Khánh Vy	1.5	-	1	-	-	0.5	-	-	13.5	D18_TH13
14	DH51806100	Trần Khánh Vy	2.5	-	1	-	-	1.5	-	-	12.5	D18_TH13

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
1	DH51804380	Ngô Anh	Cương	17.5	15	-	-	-	2.5	-	-	0	D18_TH14
2	DH51804511	Huỳnh Trung	Đông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH14
3	DH51804598	Trần Phước	Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH14
4	DH51804681	Huỳnh Vũ	Hòa	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TH14
5	DH51801405	Tăng Quang	Huy	3	-	-	-	1	2	-	-	12	D18_TH14
6	DH51805131	Tân Bình	Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH14
7	DH51800548	Lê Thị Kim	Ngân	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_TH14
8	DH51805597	Lai Đặng Hồng	Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH14
9	DH51805715	Ngô Thùy	Thương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TH14
10	DH51803372	Lê Thanh	Toàn	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TH14
11	DH51803757	Hoàng Thanh	Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH14
12	DH51803441	Trần Thanh	Tùng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH14
13	DH51806065	Phan Mai Thiên	Vũ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TH14
1	DH51901362	Hà Đức	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
2	DH51901753	Đỗ Bảo	Đại	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
3	DH51900846	Nguyễn Tiến	Đạt	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_TH01
4	DH51900652	Võ Huỳnh	Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
5	DH51900226	Phan Chí	Hạo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
6	DH51900666	Nguyễn Minh	Hiếu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH01
7	DH51900218	Nguyễn Trọng	Hiếu	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH01
8	DH51903616	Đoàn Minh	Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
9	DH51900551	Trần Nhật	Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
10	DH51900268	Lê Ngọc	Huy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH01
11	DH51802956	Nguyễn Hoàng	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
12	DH51901532	Nguyễn Nhựt	Huy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH01
13	DH51801464	Trần Quang	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
14	DH51902966	Nguyễn Tuấn	Khôi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
15	DH51902912	Dương Võ Thuận	Lợi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
16	DH51904075	Nguyễn Trọng	Nghĩa	10	9	-	-	-	1	-	-	5	D19_TH01
17	DH51900713	Dương Ngọc	Nguyên	21.5	14.5	-	-	1	6	-	-	0	D19_TH01
18	DH51900184	Nguyễn Thành	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
19	DH51801337	Nguyễn Vũ Thành	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
20	DH51900290	Huỳnh Tuấn	Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
21	DH51905519	Hà Trung	Phi	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH01
22	DH51904267	Trần	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
23	DH51904373	Đặng Thái	Son	32	8	-	-	1	23	-	-	0	D19_TH01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
24	DH51900909	Nguyễn Đức Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
25	DH51901355	Hồ Xuân Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
26	DH51901472	Nguyễn Dương Tấn Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
27	DH51901080	Nguyễn Phú Thuận	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH01
28	DH51901186	Đoàn Trần Nhật Tiến	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D19_TH01
29	DH51904681	Nguyễn Thanh Trà	21.5	15.5	-	-	-	6	-	-	0	D19_TH01
30	DH51905149	Dương Ngọc Thanh Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
31	DH51900628	Tạ Minh Trí	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH01
32	DH51904791	Trần Minh Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
33	DH51904862	Phạm Thanh Văn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
34	DH51900990	Huỳnh Thanh Vi	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D19_TH01
35	DH51900154	Lê Chí Vĩ	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH01
36	DH51901192	Nguyễn Gia Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH01
1	DH51903284	Trần Lê Thành Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
2	DH51903286	Dương Nguyên Cơ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
3	DH51903290	Đặng Quốc Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
4	DH51903389	Hồ Đình Đại	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH02
5	DH51900159	Đặng Thành Đạt	11	10	-	-	-	1	-	-	4	D19_TH02
6	DH51901633	Hồ Tấn Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
7	DH51905466	Lê Sơn Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
8	DH51903543	Lê Thị Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
9	DH51901274	Phan Thanh Hiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
10	DH51903591	Phan Trọng Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
11	DH51901116	Nguyễn Mai Huy Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
12	DH51903640	Nguyễn Cao Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
13	DH51903716	Nguyễn Văn Huỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
14	DH51903858	Lưu Trung Lâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
15	DH51901784	Huỳnh Đặng Phi Long	61.5	10	-	-	-	51.5	-	-	0	D19_TH02
16	DH51903919	Nguyễn Thành Long	52	15	-	-	-	37	-	-	0	D19_TH02
17	DH51900375	Lê Hồng Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
18	DH51903937	Nguyễn Phúc Lộc	31.5	26	-	-	-	5.5	-	-	0	D19_TH02
19	DH51903951	Hà Tấn Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
20	DH51901179	Lê Phương Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
21	DH51901114	Nguyễn Thị Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
22	DH51901632	Nguyễn Thành Nguyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH02
23	DH51904997	Võ Trần Thanh Nhã	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
24	DH51904122	Lê Hoàng	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
25	DH51904201	Nguyễn Minh	Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
26	DH51904204	Trần Minh	Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
27	DH51901078	Nguyễn Tấn	Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
28	DH51900365	Vũ Cao	Phi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
29	DH51904255	Nguyễn Hoàng	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
30	DH51904259	Nguyễn Thái	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
31	DH51901120	Nguyễn Minh	Quân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH02
32	DH51901152	Hà Ngọc	Son	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
33	DH51901215	Trần Phúc	Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
34	DH51900510	Trịnh Hoàng	Thành	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_TH02
35	DH51901622	Đoàn Ngọc	Trọng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH02
36	DH51901566	Nguyễn Tấn	Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
37	DH51904863	Tiêu Đình	Văn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH02
38	DH51900684	Nguyễn Thế	Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
39	DH51904876	Trần Đông	Vi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH02
40	DH51904922	Lưu Đình	Vọng	30	-	-	-	-	30	-	-	0	D19_TH02
41	DH51904932	Trần Cao Anh	Vũ	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH02
42	DH51904938	Đặng Nguyễn	Vương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH02
1	DH51903138	Cao Hoàng	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
2	DH51900196	Lê Hoàng	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
3	DH51901060	Phạm Hoàng	Bách	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
4	DH51900963	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH03
5	DH51903224	Cao Quốc	Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
6	DH51903232	Phạm Văn	Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
7	DH51903251	Nguyễn Ngọc	Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
8	DH51903277	Lương Công	Chương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
9	DH51903060	Bê Lăng	Duy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH03
10	DH51903352	Nguyễn Hữu	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
11	DH51903394	Hoàng	Đạo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH03
12	DH51900969	Hà Hiếu	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
13	DH51900972	Phạm Đình Lê	Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
14	DH51903114	Võ Thụy	Kiều	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D19_TH03
15	DH51900489	Lê Hoàng	Long	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TH03
16	DH51900957	Đặng Minh	Luân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH03
17	DH51901106	Nguyễn Lê	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
18	DH51900487	Trần Văn Minh	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TH03
19	DH51904081	Trần Nguyễn Hữu Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
20	DH51900261	Võ Thanh Nhân	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TH03
21	DH51904269	Võ Vĩnh Phúc	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TH03
22	DH51902391	Triệu Nam Quảng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
23	DH51900491	Nguyễn Hoàng Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
24	DH51904407	Phạm Minh Tài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH03
25	DH51904432	Tổng Thành Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
26	DH51905372	Nguyễn Quốc Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
27	DH51904542	Nguyễn Hồng Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
28	DH51904546	Hà Tấn Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
29	DH51904548	Lê Hà Đức Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
30	DH51904553	Phạm Quốc Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
31	DH51904561	Nguyễn Bá Thoại	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
32	DH51900558	Nguyễn Trung Tính	37	11	-	-	-	26	-	-	0	D19_TH03
33	DH51904727	Lê Hoàng Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
34	DH51904792	Trần Nhật Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
35	DH51904802	Nguyễn Võ Ngọc Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
36	DH51904881	Hoàng Thế Vĩ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH03
37	DH51905574	Trịnh Thế Xuyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH03
1	DH51900204	Nguyễn Trường An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
2	DH51900808	Đặng Thị Ngọc Ánh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
3	DH51900870	Ngô Mạnh Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
4	DH51903397	Đỗ Đức Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
5	DH51900271	Hồ Hữu Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
6	DH51903427	Lương Ngọc Hải Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
7	DH51903431	Võ Nguyễn Hải Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
8	DH51903534	Quan Chương Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
9	DH51900690	Hồ Công Hậu	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
10	DH51903669	Nguyễn Quang Huy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH04
11	DH51903684	Tào Quang Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
12	DH51903784	Trương Vĩnh Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
13	DH51901630	Lê Anh Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
14	DH51900917	Trần Quốc Lâm	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH04
15	DH51900743	Nguyễn Kha Lil	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
16	DH51903876	Đặng Thanh Nhật Linh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
17	DH51903922	Nguyễn Thành Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
18	DH51904003	Trịnh Ngô Tân Minh	5	-	-	-	1	4	-	-	10	D19_TH04
19	DH51901792	Ngô Hoài Nam	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
20	DH51901785	Ngô Thành Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
21	DH51904155	Lê Bảo Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
22	DH51904163	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
23	DH51904209	Nguyễn Thị Hồng Oanh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
24	DH51904244	Trần Anh Phú	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
25	DH51900576	Phạm Ngọc Quang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
26	DH51904321	Phạm Minh Quân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
27	DH51904385	Phan Ngọc Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
28	DH51900360	Nguyễn Tuấn Thành	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH04
29	DH51904517	Tôn Đức Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
30	DH51904533	Nguyễn Hạo Thiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
31	DH51900920	Nguyễn Trường Thơ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
32	DH51904696	Phùng Thị Ngọc Trang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
33	DH51900424	Lương Quốc Trung	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH04
34	DH51904780	Huỳnh Hữu Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH04
35	DH51904831	Lê Huy Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH04
1	DH51901734	Bùi Thành Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
2	DH51901801	Lâm Chí Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
3	DH51903307	Nguyễn Hoàng Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
4	DH51901588	Trần Thanh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
5	DH51901119	Cao Thành Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH05
6	DH51903413	Nguyễn Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
7	DH51901916	Nguyễn Đức Độ	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH05
8	DH51901579	Trịnh Hiếu Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
9	DH51903539	Huỳnh Văn Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
10	DH51903563	Hình Tân Hiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
11	DH51901711	Lê Trung Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
12	DH51905046	Kha Trí Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
13	DH51901413	Trần Đức Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
14	DH51903756	Phạm Minh Kha	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
15	DH51901400	Nguyễn Đăng Phương Lâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
16	DH51904001	Tạ Phạm Bình Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
17	DH51901298	Trần Thị Tuyết Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
18	DH51904019	Trương Thị Hồng	Mỹ	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D19_TH05
19	DH51904066	Đào Trọng	Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
20	DH51904104	Nguyễn Hiền	Nguyên	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D19_TH05
21	DH51904261	Nguyễn Trần Văn Anh	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
22	DH51904363	Trần Đoàn Thanh	Sang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH05
23	DH51802335	Trần Anh	Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
24	DH51901659	Trần Tấn	Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
25	DH51900974	Nguyễn Văn	Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
26	DH51904426	Lâm Ngọc	Tân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH05
27	DH51905489	Lê Đoàn	Thái	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5	D19_TH05
28	DH51904519	Ngô Định	Thế	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
29	DH51901818	Trần Minh	Thuận	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH05
30	DH51903024	Phạm Hữu	Tĩnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
31	DH51904680	Đoàn Chí	Tôn	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH05
32	DH51904741	Trương Hoàng	Triều	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
33	DH51904787	Nguyễn Văn	Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
34	DH51904880	Võ Thúy	Vi	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TH05
35	DH51901746	Nguyễn Hồ Hoàng	Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
36	DH51901924	Nguyễn Thành	Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH05
37	DH51904910	Nguyễn Thế	Vinh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH05
1	DH51902489	Trần Xuân	Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
2	DH51903237	Nguyễn Chí	Cang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH06
3	DH51901975	Trần Minh	Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
4	DH51903295	Lương Tấn	Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
5	DH51903335	Phạm Hữu Tiến	Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
6	DH51903383	Nguyễn Đại	Dương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH06
7	DH51902719	Lê Hoàng	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
8	DH51902994	Lê Hữu	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
9	DH51903405	Lê Trần	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
10	DH51900065	Nguyễn Tấn	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
11	DH51903425	Trịnh Tiến	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
12	DH51903464	Nguyễn Đình Trường	Giang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
13	DH51902227	Nguyễn Long	Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
14	DH51902248	Ngô Công	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
15	DH51903595	Thái Trung	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
16	DH51903608	Văn Quốc	Hòa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
17	DH51903753	Lại Duy	Kha	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
18	DH51902734	Trần Hoàng	Khang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH06
19	DH51902142	Văng Quan	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
20	DH51903910	Hà Hoàng	Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
21	DH51903999	Nguyễn Bảo	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
22	DH51905061	Phạm Hải	Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
23	DH51902130	Huỳnh Trọng	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
24	DH51902662	Hứa Văn	Phú	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH06
25	DH51900440	Giang Công	Son	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
26	DH51902780	Lê Thanh	Tâm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH06
27	DH51901873	Trần Ngọc Thanh	Tâm	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D19_TH06
28	DH51905003	Bùi Chí	Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
29	DH51900751	Ngô Tuấn	Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
30	DH51905602	Bình Nữ Hoài	Thương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
31	DH51901817	Hồ Văn	Tiến	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH06
32	DH51905035	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D19_TH06
33	DH51902397	Đặng Thị Ngọc	Trâm	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5	D19_TH06
34	DH51902909	Trần Quang	Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH06
35	DH51902989	Trần Thanh	Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
36	DH51901148	Đặng Văn	Tuyền	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TH06
37	DH51904899	Võ Hùng Tuấn	Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
38	DH51902951	Cao Nhất	Vinh	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D19_TH06
39	DH51904901	Hồ Nguyễn Bảo Trường	Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
40	DH51902622	Huỳnh Thế	Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
41	DH51904929	Nguyễn Lâm Triệu	Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH06
42	DH51902527	Trần Huy	Vũ	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH06
43	DH51902306	Trương Hoàng	Vũ	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_TH06
1	DH51902497	Phạm Nhật	An	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
2	DH51903142	Giang Tuấn	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
3	DH51902940	Phạm Tuấn	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
4	DH51903215	Trần Hoài	Bão	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
5	DH51902047	Huỳnh Thanh	Bình	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
6	DH51902985	Phạm Nhật	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
7	DH51904981	Nguyễn Thành	Đình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
8	DH51902674	Văn Tấn	Đông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
9	DH51902377	Biện Thành	Được	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
10	DH51902585	Trần Đình Hiền	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
11	DH51903588	Nguyễn Trung Hiếu	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH07
12	DH51902035	Trần Nguyễn Hoàng Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
13	DH51902981	Nguyễn Thị Hường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
14	DH51802950	Mai Minh Khôi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
15	DH51902901	Mu Sa Sa Liêm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH07
16	DH51902544	Nguyễn Thị Thùy Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
17	DH51902612	Phan Đăng Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
18	DH51902892	Bùi Phi Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
19	DH51902834	Nguyễn Thị Diễm My	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
20	DH51904129	Nguyễn Thanh Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
21	DH51905103	Nguyễn Minh Nhật	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
22	DH51904174	Hồ Huy Nhiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
23	DH51902422	Huỳnh Minh Nhựt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
24	DH51904214	Huỳnh Văn Phát	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TH07
25	DH51900069	Ngô Đức Phát	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
26	DH51902558	Lương Quang Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
27	DH51902386	Hà Trúc Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
28	DH51902156	Trương Phạm Văn Sang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH07
29	DH51901884	Võ Hà Vinh Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
30	DH51902283	Phạm Tấn Thuận	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TH07
31	DH51904701	Hồ Bảo Trâm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH07
32	DH51902326	Nguyễn Giang Quế Trân	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TH07
33	DH51902935	Nguyễn Thanh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
34	DH51904889	Đỗ Hoàng Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
35	DH51902549	Phạm Trần Tiến Việt	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH07
36	DH51904906	Nguyễn Hải Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
37	DH51902450	Trần Thanh Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH07
1	DH51902186	Võ Việt Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
2	DH51902381	Võ Huỳnh Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
3	DH51902196	Dương Văn Thiên Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
4	DH51902593	Nguyễn Trung Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
5	DH51905084	Lâm Trường Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH08
6	DH51901205	Nguyễn Thành Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH08
7	DH51903460	Lê Tùng Em	8.5	6	-	-	-	2.5	-	-	6.5	D19_TH08
8	DH51905080	Tô Tín Hành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
9	DH51902681	Đoàn Đức	Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
10	DH51902365	Nguyễn Trang Anh	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
11	DH51903680	Phan Đức	Huy	6	-	-	-	1	5	-	-	9	D19_TH08
12	DH51902106	Nguyễn Hoàng	Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH08
13	DH51901985	Vũ Bảo	Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
14	DH51904026	Lê Nhựt	Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
15	DH51902465	Đinh Thị Kim	Ngân	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D19_TH08
16	DH51902965	Vũ Đình	Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
17	DH51905239	Vũ Thị	Ninh	49.5	12.5	-	-	-	37	-	-	0	D19_TH08
18	DH51905093	Nguyễn Hoàng	Phong	79	25.5	-	-	-	53.5	-	-	0	D19_TH08
19	DH51905111	Lê Văn	Sinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
20	DH51905154	Nguyễn Hữu	Tài	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D19_TH08
21	DH51902345	Trần Triệu	Tấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
22	DH51903115	Trương Vĩnh	Thành	11.5	5	-	-	-	6.5	-	-	3.5	D19_TH08
23	DH51902991	Hoàng Nguyễn Hoài	Thương	48.5	16	-	-	-	32.5	-	-	0	D19_TH08
24	DH51905450	Nguyễn Mai Hoài	Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
25	DH51905184	Bùi Trung	Tĩnh	20.5	14	-	-	-	6.5	-	-	0	D19_TH08
26	DH51902347	Trần Xuân	Trí	12.5	10.5	-	-	-	2	-	-	2.5	D19_TH08
27	DH51905120	Văn Minh	Triết	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH08
28	DH51905085	Lê Hoàng	Tuấn	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D19_TH08
29	DH51902948	Nguyễn Thanh	Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH08
30	DH51902793	Tia Hứa Hoàng	Vũ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH08
1	DH51900501	Lê Thái	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
2	DH51903096	Nguyễn Thanh	Bằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
3	DH51905152	Lâu Quay	Chấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
4	DH51905352	Lương Thanh	Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
5	DH51905375	Nguyễn Quốc	Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
6	DH51903343	Huỳnh Chí	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
7	DH51901831	Huỳnh Tiến	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
8	DH51903417	Nguyễn Trọng	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
9	DH51905359	Nguyễn Quang	Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
10	DH51905495	Nguyễn Văn Thanh	Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
11	DH51903513	Quách Tuấn	Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
12	DH51905541	Nguyễn Lê	Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
13	DH51901655	Huỳnh Quốc	Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH09
14	DH51905377	Nguyễn Minh	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
15	DH51903672	Nguyễn Quốc Huy	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_TH09
16	DH51905009	Nguyễn Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
17	DH51900578	Tạ Trường Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH09
18	DH51900146	Mai Hoàng Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
19	DH51903781	Trần Minh Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
20	DH51905431	Nguyễn Trung Kiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
21	DH51900936	Trần Minh Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
22	DH51904020	Đỗ Thành Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
23	DH51905311	Lư Chung Thái Ngọc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TH09
24	DH51902364	Phạm Văn Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
25	DH51905324	Ngô Tấn Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
26	DH51904238	Đỗ Ngọc Phú	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TH09
27	DH51903057	Nguyễn Anh Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
28	DH51904466	Trần Văn Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
29	DH51905117	Trần Trung Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
30	DH51901412	Trần Văn Ngọc Thi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
31	DH51904658	Huỳnh Nguyễn Trung Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
32	DH51904677	Nguyễn Hào Toàn	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TH09
33	DH51905502	Châu Bảo Nhân Trung	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TH09
34	DH51905376	Huỳnh Lê Mạnh Trục	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TH09
1	DH52000012	Bùi Thị Vân Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
2	DH52002703	Cung Phương Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
3	DH52000029	Nguyễn Văn Bảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
4	DH52002179	Trần Gia Bảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
5	DH52000045	Lê Nguyễn Thành Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
6	DH52002303	Lê Chí Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
7	DH52000068	Tương Hữu Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
8	DH52000037	Đỗ Hoàng Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
9	DH52001690	Trần Thị Mỹ Duyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
10	DH52000482	Ngô Thái Dương	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D20_TH01
11	DH52001063	Nguyễn Lưu Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
12	DH52001986	Tổng Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
13	DH51901190	Trần Quốc Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
14	DH52001712	Trần In Doanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
15	DH52000880	Mai Nhật Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
16	DH52001503	Vũ Văn Hiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
17	DH52003555	Bùi Lâm Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
18	DH52002015	Lương Gia Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
19	DH51902564	Phạm Gia Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
20	DH52001933	Đỗ Quốc Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
21	DH52001784	Nguyễn Thiệu Khiêm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH01
22	DH52002660	Nguyễn Đăng Khoa	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH01
23	DH52002144	Đặng Vinh Kiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
24	DH52001645	Trần Tấn Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
25	DH52001856	Phan Văn Mãnh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_TH01
26	DH52001367	Lâm Chí Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
27	DH51904007	Trần Quang Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
28	DH52001141	Võ Lê Công Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
29	DH52002302	Cao Hoàng Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
30	DH52001037	Lê Trung Nam	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D20_TH01
31	DH52001504	Đỗ Minh Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
32	DH52000828	Nguyễn Văn Quang	28	-	-	-	-	28	-	-	0	D20_TH01
33	DH52003145	Huỳnh Trần Anh Quốc	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH01
34	DH51900372	Hồ Bá Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
35	DH52001349	Lê Hoàng Quốc	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH01
36	DH51904332	Nhan Lâm Quy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
37	DH52000937	Châu Tấn Tài	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH01
38	DH52003353	Lê Hoàng Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
39	DH52002680	Ngô Duy Tấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
40	DH51803498	Hà Quốc Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
41	DH51902672	Phạm Việt Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
42	DH52000817	Nguyễn Anh Thiện	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH01
43	DH51803469	Nguyễn Quang Thọ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
44	DH52001927	Trần Ngọc Thoại	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
45	DH51901389	Hà Xuân Thủy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
46	DH51900373	Phạm Trung Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
47	DH52001900	Nguyễn Minh Triều	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
48	DH52000131	Lê Quốc Trung	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH01
49	DH52001904	Nguyễn Hữu Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
50	DH52001991	Nguyễn Anh Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
51	DH52002799	Ngô Huy Tuấn	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5	D20_TH01
52	DH52001957	Phan Hồ Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
53	DH52000774	Lê Quang Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
54	DH52002896	Nguyễn Hoàng Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH01
55	DH52001133	Trương Công Vui	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
56	DH52002785	Nguyễn Thị Hồng Yên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH01
1	DH52001026	Phạm Chí Công	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH02
2	DH52003554	Nguyễn Hoàng Vũ Đan	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH02
3	DH52000573	Bảo Lê Quốc Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH02
4	DH52001628	Ngô Đoàn Thúy Hiền	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH02
5	DH52003191	Vũ Khải Hoàn	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH02
6	DH52001988	Trần Minh Huân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
7	DH52002286	Mai Đức Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
8	DH52001341	Nguyễn Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
9	DH52002536	Nguyễn Phúc Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
10	DH52000689	Sử Duy Khánh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH02
11	DH52003670	Trần Xuân Khương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
12	DH52001423	Nguyễn Trung Kiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
13	DH52002316	Nguyễn Kiều Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
14	DH52001688	Phạm Nhật Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
15	DH52001727	Lê Lâm Tấn Lộc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH02
16	DH52002996	Nguyễn Phước Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
17	DH52000780	Lâm Huỳnh Khánh Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
18	DH52003592	Nguyễn Khải Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
19	DH52002265	Phạm Minh Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
20	DH52001486	Đào Minh Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
21	DH52000596	Nguyễn Quốc Oai	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
22	DH52002563	Trương Nhật Phi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
23	DH52002064	Nguyễn Hoài Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
24	DH52001882	Bùi Phong Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
25	DH52002061	Nguyễn Hoàng Ngọc Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
26	DH52001860	Phan Hoàng Phúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH02
27	DH52003255	Lê Triệu Thanh Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH02
28	DH52000281	Lư Kiều Minh Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
29	DH52002287	Mai Anh Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
30	DH52003521	Huỳnh Minh Quy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH02
31	DH52001024	Nguyễn Duy Sơn	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH02
32	DH52003364	Nguyễn Trình Duy Tân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH02

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
33	DH52000441	Võ Thị Thu	Thảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH02
34	DH52001726	Huỳnh Ngọc	Thắm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
35	DH52002390	Nguyễn Hoàng Xuân	Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
36	DH52001630	Nguyễn Ngọc	Thiện	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH02
37	DH52002062	Phan Thanh	Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
38	DH52003694	Nguyễn Hoàng	Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
39	DH52002032	Phạm Ngọc Quế	Trâm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH02
40	DH52001832	Tiêu Quang	Trường	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH02
41	DH52003232	Ngô Xuân	Tuy	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH02
42	DH52001340	Phạm Trọng	Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
43	DH52002202	Nguyễn Tuấn	Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
44	DH52002063	Lê Trần Thúy	Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH02
1	DH52003201	Ngô Hoài	An	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
2	DH52003458	Mai Xuân	Anh	24.5	-	-	-	-	24.5	-	-	0	D20_TH03
3	DH52002912	Nguyễn Thị Linh	Chi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
4	DH52001339	Dương Lê Thành	Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
5	DH52000802	Nguyễn Thanh	Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
6	DH52002862	Lê Văn	Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
7	DH52001330	Phạm Ngọc	Đông	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
8	DH52002772	Phạm Phú	Đức	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
9	DH52001467	Nguyễn Hữu	Giàu	16	16	-	-	-	-	-	-	0	D20_TH03
10	DH52003489	Nguyễn Thanh	Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
11	DH52001332	Trang Thanh	Hải	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
12	DH52000812	Lâm Anh	Hòa	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH03
13	DH52000756	Đỗ Quốc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
14	DH52002714	Lưu Quốc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
15	DH52003771	Nguyễn Lê	Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
16	DH52001142	Nguyễn Phan Bảo	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
17	DH52001311	Phạm Gia	Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
18	DH52002778	Phạm Quốc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
19	DH52001107	Đặng Phạm Gia	Hưng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
20	DH52001091	Đoàn Minh	Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
21	DH52002787	Hoàng	Khang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
22	DH52001329	Nguyễn Hoàng	Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
23	DH52000389	Nguyễn Võ Ngọc	Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
24	DH52000539	Nguyễn Nhật	Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
25	DH52003250	Nguyễn Sơn Đăng	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
26	DH52003844	Trần Đình	Khôi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
27	DH52001186	Huỳnh Tuấn	Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
28	DH52003083	Nguyễn Trọng	Kim	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH03
29	DH52002664	Võ Thị Mỹ	Lệ	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH03
30	DH52001092	Bùi Ngọc	Na	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
31	DH52002187	Lê Văn	Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
32	DH52002991	Nguyễn Trọng	Nghĩa	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH03
33	DH52001400	Vũ Trung	Nghĩa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
34	DH52003883	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
35	DH52003701	Trần Minh	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
36	DH52003792	Trần Tấn	Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
37	DH52002933	Nguyễn Gia	Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
38	DH52006069	Đặng Thanh	Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
39	DH52001793	Trần Văn	Sĩ	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH03
40	DH52003324	Lê Đức	Tài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
41	DH52003469	Trương Minh	Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
42	DH52002730	Cao Lương Quốc	Tấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
43	DH52001455	Trần Thanh	Tấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
44	DH52001226	Nguyễn Ngô Thanh	Thảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
45	DH52002581	Võ Quốc	Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
46	DH52003194	Ngô Hoài	Thịnh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
47	DH52000660	Nguyễn Thị Kim	Thoa	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH03
48	DH52003431	Nguyễn Thanh	Thoại	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
49	DH52002629	Nguyễn Quốc	Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH03
50	DH52000293	Hồ Văn	Tiến	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH03
51	DH52002582	Phạm Nguyễn Thành	Trong	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
52	DH52000682	Lê	Tuấn	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH03
53	DH52003563	Phan Văn	Việt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH03
1	DH52002598	Nguyễn Nhựt	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
2	DH52001966	Nguyễn Chí	Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
3	DH52004093	Hoàng Ngô Gia	Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
4	DH52003253	Lê Tuấn	Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
5	DH52001476	Vương Đức	Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
6	DH52002606	Nguyễn Khuất Anh	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
7	DH52001595	Lê Nhật	Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
8	DH52003285	Phùng Phổ	Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
9	DH52003485	Nguyễn Anh	Hòa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
10	DH52003001	Quách Nhựt	Hòa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH04
11	DH52001833	Nguyễn Phúc	Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
12	DH52002712	Bùi Vương	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
13	DH52002723	Phạm Ngọc	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
14	DH52001408	Nguyễn Quang	Luật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
15	DH52002058	Lê Thành	Nam	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH04
16	DH52001564	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
17	DH52003583	Bùi Thành	Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH04
18	DH52003399	Nguyễn Trí	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
19	DH52001672	Đỗ Minh	Nhựt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
20	DH52003409	Trần Minh	Nhựt	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH04
21	DH52004162	Nguyễn Thái	Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
22	DH52003935	Phạm Châu	Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
23	DH52003995	Huỳnh Thanh	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
24	DH52003159	Lạc Minh	Phuong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
25	DH52002990	Nguyễn Xuân	Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
26	DH52003503	Đỗ Chí	Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
27	DH52002325	Nguyễn Lê Đức	Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
28	DH52001474	Nguyễn Hữu	Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
29	DH52001281	Phạm Tôn	Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
30	DH52003499	Nguyễn Trung	Tính	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
31	DH52003405	Trần Trung	Trực	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH04
32	DH52003268	Nguyễn Thanh	Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
33	DH52001615	Nguyễn Quốc	Yên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH04
1	DH52001153	Lê Quốc	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
2	DH52001633	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
3	DH52003496	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_TH05
4	DH52003543	Nguyễn Công	Chi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
5	DH52003743	Phạm Văn Thành	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
6	DH52000171	Huỳnh Công	Đức	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH05
7	DH52003741	Lý Gia	Hân	15.5	-	-	-	-	8.5	7	-	0	D20_TH05
8	DH52001243	Lưu Văn	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
9	DH52003962	Nguyễn Trần Hồ	Hiếu	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH05
10	DH52003580	Vô Trọng	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
11	DH52002358	Vương Tiến	Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
12	DH52001205	Phạm Hoàng Quốc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
13	DH52003378	Nguyễn Danh	Hung	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH05
14	DH52003788	Trần Quốc	Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
15	DH52001240	Trần Bảo	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
16	DH52003835	Trần Đình	Khoa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH05
17	DH52003322	Võ Đăng	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
18	DH52003889	Phạm Hồng Nhật	Nam	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH05
19	DH52003905	Huỳnh Ngọc	Ngân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH05
20	DH52003552	Nguyễn Trung	Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
21	DH52004281	Nguyễn Đức	Nguyên	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH05
22	DH52001241	Lê Đỗ Thành	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
23	DH52003830	Lê Thành	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
24	DH52003648	Trần Thiện	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
25	DH52003862	Trần Hữu	Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
26	DH52003593	Vũ Anh	Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
27	DH52003760	Phan Thị Thu	Thảo	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH05
28	DH52003909	Trần Quốc	Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
29	DH52003869	Nguyễn Huỳnh	Thoại	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH05
30	DH52003968	Lý Quốc	Thông	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_TH05
31	DH52003600	Trần Nhật	Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
32	DH52003933	Phạm Thị Thùy	Trang	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5	D20_TH05
33	DH52003798	Võ Ngọc Phương	Trinh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH05
34	DH52003749	Nguyễn Phạm Gia	Vi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH05
35	DH52000747	Nguyễn Thị Thúy	Vi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH05
36	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc	Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH05
1	DH52005663	Huỳnh Hoàng	An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
2	DH52005670	Lê Hoàng	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
3	DH52003384	Trần Thế Quốc	Bảo	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH06
4	DH52005747	Đào Thành	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
5	DH52004120	Hỷ Văn	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
6	DH52004278	Lê Thành	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
7	DH52004553	Nguyễn An	Đình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
8	DH52005776	Nguyễn Thanh	Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
9	DH52004258	Võ Nhật	Hào	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
10	DH52007219	Tạ Lê Trung	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
11	DH52004098	Trần Minh	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
12	DH52004215	Võ Thanh	Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
13	DH52004471	Nguyễn Hoàng	Huân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
14	DH52004352	Thân Thị Minh	Huê	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
15	DH52004986	Diệp Bảo	Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
16	DH52004277	Phạm Tuấn	Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
17	DH52004347	Nguyễn Duy	Lâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
18	DH52004038	Đào Chiêu	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
19	DH52004280	Mai Ngọc Phương	Linh	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D20_TH06
20	DH52004026	Trần Thành	Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
21	DH52004034	Trương Thiện	Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
22	DH52004128	Nguyễn Bảo Tuyết	Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
23	DH52001512	Phạm Minh	Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
24	DH52004125	Trần Hoàng	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
25	DH52004099	Trương Minh	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
26	DH52004126	Vũ Đức	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
27	DH52004127	Vũ Ngọc	Quảng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
28	DH52001514	Phạm Minh	Quý	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH06
29	DH52004334	Lê Văn	Thái	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_TH06
30	DH52004272	Lưu Thị Thanh	Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
31	DH52004121	Phạm Trung	Thắng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
32	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
33	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
34	DH52007272	Bùi Văn	Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
35	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
36	DH52004106	Châu Gia	Trọng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
37	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
38	DH52007324	Phạm Tiến	Trương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
39	DH52004042	Trần Trương Thái	Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
40	DH52004325	Huỳnh Nhật	Viên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
41	DH52004141	Nguyễn Hữu	Vinh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
42	DH52004136	Lê Thái Anh	Vũ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH06
43	DH52004312	Nguyễn Trần Lâm	Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH06
1	DH52004753	Hoàng Châu Tuấn	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
2	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
3	DH52004683	Phan Thành	Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
4	DH52004750	Lê Tấn	Được	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
5	DH52004819	Lý Thế	Hào	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH07
6	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
7	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
8	DH52004745	Nguyễn Văn	Hoan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
9	DH52004778	Đặng Nguyễn Huy	Hoàng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH07
10	DH52004569	Nguyễn Tăng Tuấn	Hùng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH07
11	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
12	DH52004915	Dương Quang	Khải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
13	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
14	DH52004596	Võ Lê	Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
15	DH52004741	Lê Duy	Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
16	DH52004196	Hoàng Nguyễn Anh	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
17	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
18	DH52005922	Trương Thành	Lập	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
19	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
20	DH52005933	Kim Hoàng	Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
21	DH52004089	Hồ Tấn	Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
22	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
23	DH52004657	Võ Duy	Minh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
24	DH52004183	Võ Hoàng	Nam	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
25	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
26	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
27	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
28	DH52004608	Khâu Nguyễn Thành	Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
29	DH52005992	Liễu Minh	Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
30	DH52004679	Phạm Minh	Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
31	DH52004639	Phan Hoàng	Phi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
32	DH52004096	Huỳnh Quốc	Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
33	DH52004763	Mai Vũ Ngọc	Thiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
34	DH52004489	Nguyễn Hồng	Thiên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
35	DH52004047	Trần Nguyễn Hoàng	Thiên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
36	DH52004658	Lê Minh	Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
37	DH52004523	Trần Trung	Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
38	DH52004547	Trần Công	Toại	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
39	DH52004456	Phạm Văn	Trường	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
40	DH52004086	Hoàng Cẩm Tú	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
41	DH52004760	Vũ Nguyễn Anh Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
42	DH52004709	Ngô Quốc Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH07
43	DH52004458	Phó Tấn Vinh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH07
1	DH52005662	Phạm Ngọc Nhân ái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
2	DH52005724	Lê Mai Nhựt Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
3	DH52005726	Nguyễn Đình Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
4	DH52005729	Phan Khánh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
5	DH52004810	Diệp Phước Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
6	DH52005749	Huỳnh Hữu Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
7	DH52005783	Đặng Anh Hào	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH08
8	DH52004918	Phạm Việt Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
9	DH52007203	Phạm Trung Hiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
10	DH52005818	Phan Thanh Hoài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
11	DH52005847	Nguyễn Hồng Gia Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
12	DH52005851	Nguyễn Tấn Huy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH08
13	DH52005863	Lê Quang Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
14	DH52004956	Trương Gia Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
15	DH52005025	Thân Minh Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
16	DH52005903	Mộc Đăng Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
17	DH52005021	Đỗ Như Khương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
18	DH52005870	Vũ Trung Kiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
19	DH52005044	Đào Tuấn Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
20	DH52005872	Lợi Siêu Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
21	DH52005875	Trần Phú Kiệt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH08
22	DH52005879	Lưu Ngọc Kỳ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
23	DH52004932	Nguyễn Phước Lộc	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH08
24	DH52004044	Vũ Nhật Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
25	DH52005998	Nguyễn Đăng Hoàng Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
26	DH52006010	Biện Hồng Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
27	DH52006015	Trần Trọng Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
28	DH52006020	Võ Hoàng Phi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
29	DH52005031	Chu Bình Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
30	DH52006023	Nông Duy Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
31	DH52006034	Trần Bá Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
32	DH52006036	Nguyễn Hữu Phụng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH08

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
33	DH52006041	Đào Đức	Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
34	DH52006042	Lê	Quang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH08
35	DH52004838	Võ Hồng	Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
36	DH52006049	Nguyễn Hoàng	Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
37	DH52006057	Trịnh Phú	Quý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
38	DH52006061	Trương Hoàng	Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
39	DH52006075	Nguyễn Văn	Sinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
40	DH52006087	Lê Đức Anh	Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
41	DH52006090	Nguyễn Thành	Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
42	DH52006102	Phan Thanh	Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
43	DH52005059	Lê Trường	Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
44	DH52007366	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
45	DH52000110	Võ Văn	Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
46	DH52006230	Võ Thành	Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
47	DH52005051	Đặng Trung	Trực	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
48	DH52006131	Hà Xuân	Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH08
1	DH52005166	Nguyễn Tuấn	Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
2	DH52005677	Võ Chu Quốc	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
3	DH52005684	Lê Khánh	Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
4	DH52005685	Liu Sỹ	Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
5	DH52005690	Trần Nguyễn Gia	Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
6	DH52005704	Huỳnh Ngọc Kim	Chi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH09
7	DH52005705	Lư Thừa	Chí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
8	DH52005696	Dương Tăng	Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
9	DH52005698	Lê Đình	Cường	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
10	DH52005068	Nguyễn Thanh	Danh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
11	DH52005714	Nguyễn Anh	Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
12	DH52005731	Trần Lê Minh	Duy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH09
13	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
14	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam	Dương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
15	DH52005738	Hồ Khánh	Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
16	DH52005745	Cao Tiên	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
17	DH52005049	Đặng Ngọc	Giàu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
18	DH52005778	Trần Đức	Hải	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
19	DH52005800	Phạm Thị Diệu	Hiền	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
20	DH52005804	Mai Chí	Hiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
21	DH52004983	Nguyễn Minh	Hiếu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
22	DH52005810	Nguyễn Phi	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
23	DH52005822	Huỳnh Kim	Hoàng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
24	DH52005824	Lê Văn	Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
25	DH52005825	Mai Việt	Hoàng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
26	DH52005827	Nguyễn Văn	Hoàng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
27	DH52006575	Lâm Tuấn	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
28	DH52005904	Nguyễn Đăng	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
29	DH52005923	Phạm Võ Hiếu	Lễ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
30	DH52005055	Nguyễn Phú Minh	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
31	DH52005955	Võ Việt	Mỹ	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_TH09
32	DH52005030	Lê Thanh	Nam	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
33	DH52005383	Đặng Thị Kim	Ngân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
34	DH52005977	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
35	DH52006017	Nguyễn Ngọc	Phi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
36	DH52006058	Dương Trung	Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
37	DH52006097	Văn Bảo	Tâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
38	DH52006105	Võ Đặng Phúc	Tấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
39	DH52006159	Võ Đức	Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
40	DH52007181	Châu Thị Thu	Thào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
41	DH52006178	Trần Ngọc	Thế	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
42	DH52006111	Phan Đức	Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
43	DH52006116	Vũ Minh	Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
44	DH52006119	Nguyễn Chí	Tín	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
45	DH52006213	Đặng Ngọc Bảo	Trần	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
46	DH52006221	Ngô Đình	Triều	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
47	DH52006228	Nguyễn Thành	Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH09
48	DH52006236	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
49	DH52006237	Nguyễn Trần Vân	Uyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH09
1	DH52005666	Phan Văn	An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
2	DH52005692	Nguyễn Châu Phúc	Cánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
3	DH52005699	Nguyễn Hùng	Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
4	DH52005710	Lý Thị Ngọc	Diễm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH10
5	DH52005732	Trần Tổng	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
6	DH52005754	Vũ Cao	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
7	DH52007214	Thân Hoàng Minh	Hiếu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH10

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
8	DH52005828	Nguyễn Văn Hoàng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH10
9	DH52005855	Phan Tấn Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
10	DH52005865	Trần Lê Hưng	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_TH10
11	DH52005894	Hà Nhật Khánh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_TH10
12	DH52005902	Mai Đăng Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
13	DH52005906	Nguyễn Đăng Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
14	DH52005926	Nguyễn Nhật Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH10
15	DH52005938	Nguyễn Tấn Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
16	DH52005956	Hoàng Hải Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
17	DH52005963	Nguyễn Thanh Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
18	DH52004959	Nguyễn Khôi Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
19	DH52007186	Trần Như Nguyễn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
20	DH52006000	Nguyễn Minh Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
21	DH52006003	Võ Minh Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
22	DH52006025	Trần Gia Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
23	DH52007253	Đình Trọng Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
24	DH52006032	Nguyễn Minh Phúc	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH10
25	DH52006637	Đình Nhật Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
26	DH52006048	Nguyễn Đức Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
27	DH52006081	Phạm Hữu Trường Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
28	DH52006082	Trương Phan Ngọc Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
29	DH52006088	Nguyễn Lê Minh Tài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH10
30	DH52006101	Nguyễn Đức Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
31	DH52006168	Hồ Việt Thắng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH10
32	DH52006177	Nguyễn Khắc Thê	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
33	DH52006188	Lê Nguyễn Trường Thịnh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH10
34	DH52006193	Trần Đàm Thoại	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
35	DH52006631	Lê Minh Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
36	DH52006207	Huỳnh Hồng Thuyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH10
37	DH52007310	Lê Đình Bảo Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
38	DH52006231	Bùi Quang Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
39	DH52006233	Võ Nhật Trường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH10
40	DH52006139	Huỳnh Quốc Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
41	DH52006150	Nguyễn Thanh Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
42	DH52006245	Nguyễn Đình Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
43	DH52006257	Phạm Anh Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
44	DH52006262	Đậu Sinh Quốc	Vương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH10
1	DH52006878	Trương Khánh	Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
2	DH52007049	Nguyễn Hòa Ninh	Đan	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TH11
3	DH52005756	Nguyễn Hải	Đặng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
4	DH52005758	Nguyễn Vũ Ân	Điện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
5	DH52005770	Trịnh Anh	Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
6	DH52006863	Vũ Minh	Đức	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH11
7	DH52006892	Hoàng Khắc	Giáp	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH11
8	DH52006862	Lê Huỳnh Hoàn	Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
9	DH52007035	Trần Hạo	Hân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TH11
10	DH52006576	Nguyễn Trọng	Hiên	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH11
11	DH52006924	Trần Minh	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
12	DH52007068	Lý Quốc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
13	DH52006632	Nguyễn Gia	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
14	DH52007011	Thạch Ngọc Gia	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
15	DH52007056	Trần A	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
16	DH52007089	Huỳnh Minh	Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
17	DH52006902	Nguyễn Minh	Khuê	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
18	DH52006929	Võ Xuân	Lam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
19	DH52007074	Phan Hiếu	Lâm	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH11
20	DH52007055	Đặng Ngọc	Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
21	DH52007299	Bùi Trần Đông	Nam	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D20_TH11
22	DH52007047	Nguyễn Phước	Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
23	DH52006904	Đặng Xuân	Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
24	DH52007102	Trần Nguyễn Thanh	Sang	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH11
25	DH52007024	Đỗ Trần Hải	Son	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
26	DH52006605	Phan Phúc	Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
27	DH52007061	Nguyễn Minh	Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
28	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D20_TH11
29	DH52007161	Phạm Duy	Thắng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH11
30	DH52007101	Trần Văn Quốc	Thắng	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH11
31	DH52007002	Nguyễn Phước	Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
32	DH52007131	Nguyễn Ngọc	Thuyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
33	DH52007050	Huỳnh Quang	Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
34	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D20_TH11
35	DH52006741	Lại Văn	Toàn	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH11

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
36	DH52006129	Võ Hữu Toàn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH11
37	DH52006618	Trần Minh Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
38	DH52006707	Lê Thanh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
39	DH52006712	Nguyễn Việt Tuấn	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TH11
40	DH52007424	Ôn Tăng Gia Vĩ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH11
41	DH52006249	Nguyễn Cao Quang Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
42	DH52006610	Huỳnh Nhật Vương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TH11
43	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhựt ý	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TH11

Tổng số SV: **1081**

Đã hoàn thành: **43**

Chưa hoàn thành: **1038**

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

**Người lập bảng**

(Đã ký)

**KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân**

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2022*

**Phụ trách phòng công tác Sinh viên**

(Đã ký)

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**